

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Phần đất liền của nước ta

- A. thu hẹp theo chiều bắc - nam. B. giáp với Biển Đông rộng lớn.
C. tiếp giáp với 8 quốc gia khác. D. gồm hàng triệu đảo lớn nhỏ.

Câu 2: Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí ở các thành phố chủ yếu từ

- A. hoạt động công nghiệp, giao thông vận tải. B. đốt phế phẩm nông nghiệp, xả rác bừa bãi.
C. các hóa chất nông nghiệp, biến đổi khí hậu. D. hoạt động của vận tải, nước thải của đô thị.

Câu 3: Đô thị của nước ta hiện nay

- A. số lượng đô thị tăng khá nhanh. B. tỉ lệ dân thành thị giảm liên tục.
C. không gian đô thị bị thu hẹp lại. D. lối sống thành thị chưa phổ biến.

Câu 4: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ hình thành các khu kinh tế ven biển. B. làm thay đổi tỉ trọng các ngành kinh tế.
C. tập trung những ngành có hiệu quả thấp. D. không có quan hệ với công nghiệp hóa.

Câu 5: Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn theo hình thức gia đình. B. chỉ tập trung ở khu vực đồng bằng.
C. phát triển theo xu hướng hàng hóa. D. chỉ phục vụ nhu cầu ở trong nước.

Câu 6: Điều kiện thuận lợi về tự nhiên để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp nước ta là

- A. các vùng đều nóng quanh năm, mưa nhiều. B. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.
C. đất feralit có diện tích lớn ở một số vùng. D. khí hậu nóng ẩm, nhiều loại đất thích hợp.

Câu 7: Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay

- A. đang đẩy mạnh xuất khẩu gỗ tròn. B. hoạt động lâm sinh đang được chú trọng.
C. các sản phẩm gỗ chưa phong phú. D. chỉ có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế.

Câu 8: Ngành khai thác thủy sản của nước ta hiện nay

- A. tỉ trọng khai thác thủy sản tăng nhanh. B. đẩy mạnh hoạt động đánh bắt ở ven bờ.
C. ít tác động đến tài nguyên, môi trường. D. phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.

Câu 9: Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. hải đảo. B. đồng bằng. C. sơn nguyên. D. núi cao.

Câu 10: Cơ cấu ngành công nghiệp dầu khí nước ta hiện nay

- A. đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước. B. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
C. cơ sở vật chất kĩ thuật chưa tiến bộ. D. tập trung ở thêm lục địa phía Bắc.

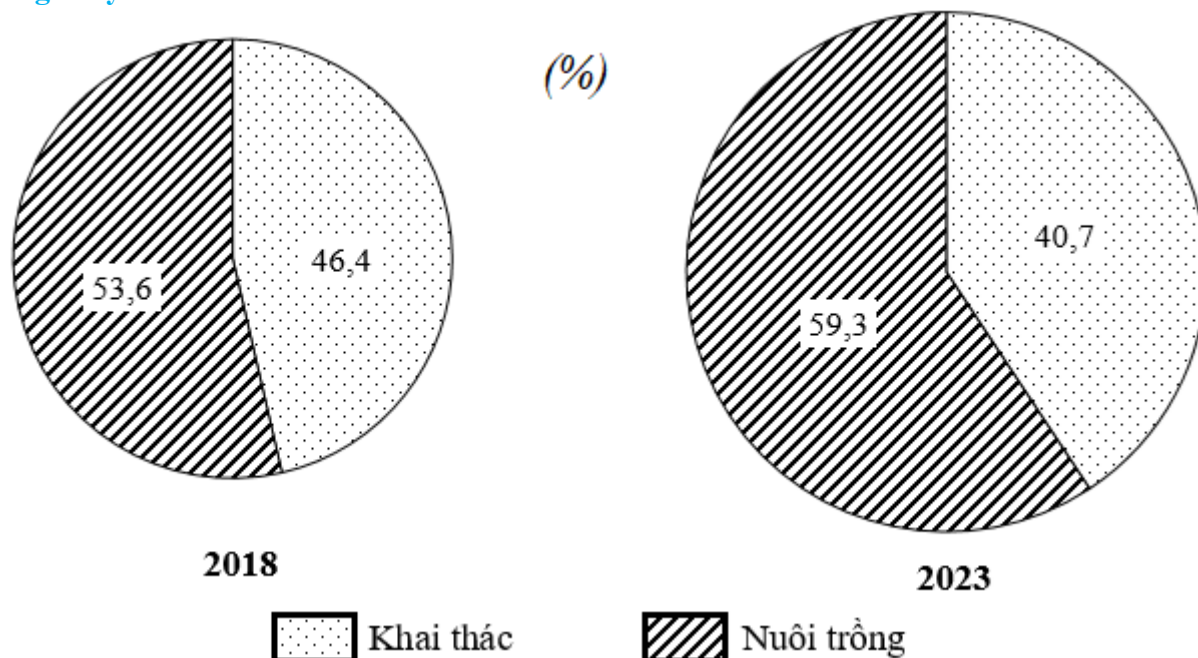
Câu 11: Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi. B. dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.
C. dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển. D. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 12: Các vùng đồng bằng của nước ta tạo thuận lợi nào sau đây đối với phát triển nông nghiệp?

- A. Phát triển cây lương thực, thực phẩm; chăn nuôi lợn; gia cầm.
B. Phát triển cây thực phẩm, cây công nghiệp lâu năm; nuôi trâu.
C. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả; phát triển chăn nuôi gia súc.
D. Mở rộng vùng chuyên canh cây lương thực; chăn nuôi trâu, lợn.

Câu 13: Cho biểu đồ:



Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023

(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9%.
- B. Tỷ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.
- C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
- D. So với năm 2018, tỷ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.

Câu 14: Biện pháp để hạn chế những tác động tiêu cực của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với nông nghiệp ở nước ta là

- A. đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, thay đổi cơ cấu mùa vụ, phòng chống thiên tai.
- B. xây dựng kế hoạch thời vụ, phòng trừ dịch bệnh, đẩy mạnh hoạt động vận tải.
- C. phá thế độc canh trong nông nghiệp, phát triển nông - lâm, tăng diện tích rừng.
- D. nâng cao năng suất cây trồng, phục hồi lớp thực vật, phát triển cây hàng năm.

Câu 15: Phát triển chăn nuôi lợn theo quy mô công nghiệp ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Thị trường bấp bênh, thiếu kinh nghiệm quản lý, hạn chế về vốn và công nghệ.
- B. Dịch bệnh xảy ra nhiều nơi, hạn chế về nguồn thức ăn, dịch vụ thú y còn kém.
- C. Giống vật nuôi năng suất thấp, thức ăn không đảm bảo và vốn đầu tư còn nhỏ.
- D. Nguồn thức ăn không đảm bảo, thị trường không ổn định, hạn chế về nhân lực.

Câu 16: Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta ngày càng thuận lợi chủ yếu do

- A. thị trường rộng, ngư dân có nhiều kinh nghiệm.
- B. tàu thuyền công suất lớn, ngư cụ đánh bắt tốt.
- C. mở rộng chế biến, thu hút nhân lực chất lượng.
- D. nguồn vốn lớn, phòng chống bão biển hiệu quả.

Câu 17: Việc đẩy mạnh đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Đa dạng sản xuất nông nghiệp, nguồn hàng xuất khẩu giá trị, tạo thêm việc làm.
- B. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo ra việc làm, khai thác hợp lý nguồn thủy hải.
- C. Đa dạng các sản phẩm xuất khẩu, tăng thu nhập cho người dân, thu hút lao động.
- D. Sử dụng hợp lý tài nguyên, phân bổ lại nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường nước.

Câu 18: Ở nước ta, những năm gần đây tỷ trọng công nghiệp chế biến trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng lên do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Thị trường tiêu thụ mở rộng, hiệu quả kinh tế cao, đa dạng ngành nghề.
- B. Thu hút lao động chuyên môn cao, nguyên liệu phong phú, tạo việc làm.
- C. Mang lại hiệu quả cao về kinh tế, thu hút đầu tư lớn, chính sách ưu tiên.
- D. Mở rộng hội nhập quốc tế, đầu tư cơ sở chế biến, nguồn lao động đông.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Nông nghiệp nước ta đang phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; hướng tới nông nghiệp thông minh; nông nghiệp bền vững, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, dựa trên việc tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ và thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp vào các hoạt động nông nghiệp.

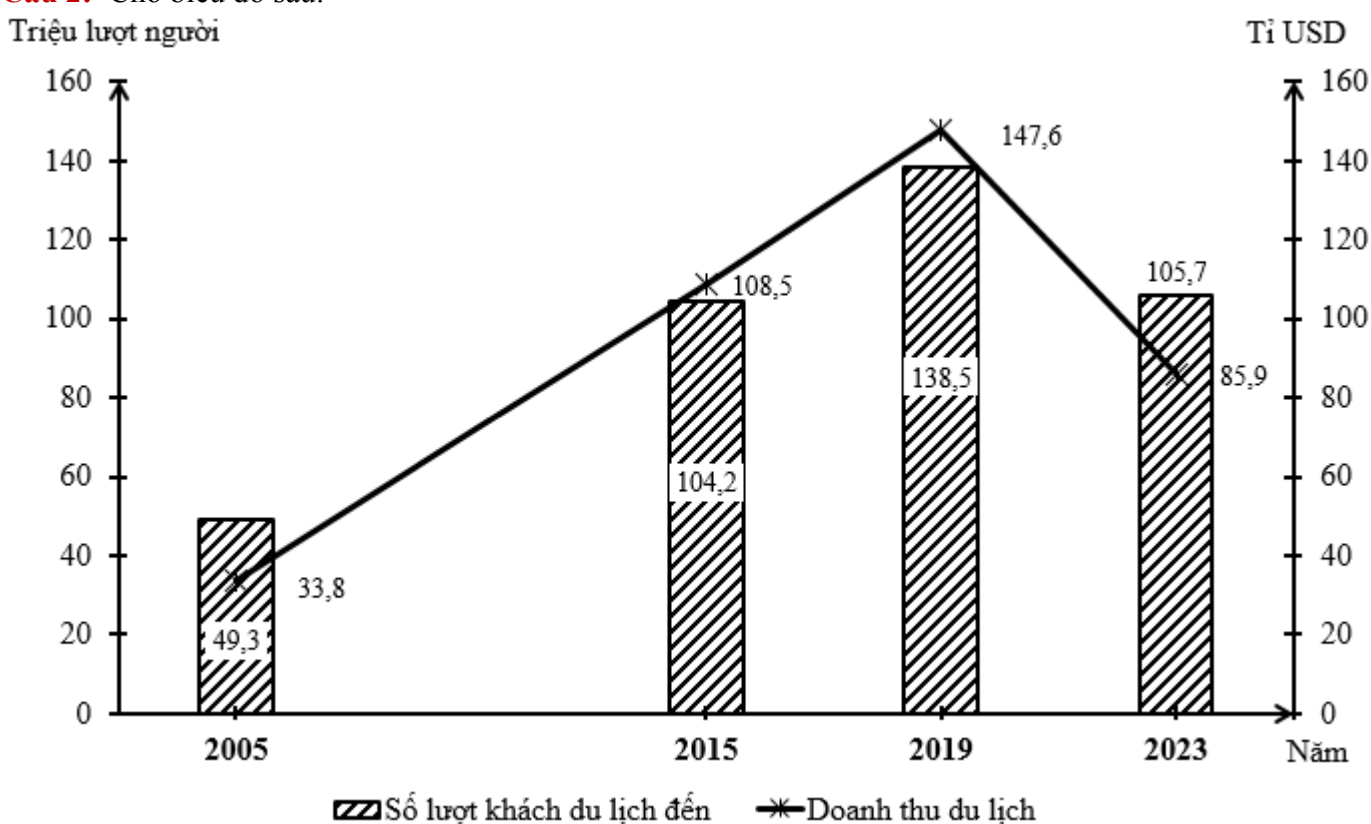
A. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi, tăng tỉ trọng ngành trồng trọt.

B. Ngành nông nghiệp chưa chú trọng đến liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ và hình thành các sản phẩm chủ lực.

C. Ngành nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá góp phần đảm bảo an ninh lương thực, nguyên liệu cho công nghiệp và thúc đẩy dịch vụ phát triển.

D. Ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường, thu hút vốn đầu tư và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Câu 2: Cho biểu đồ sau:



Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2005 - 2023

(Nguồn: Tổ chức Du lịch Thế giới, UNWTO)

A. So với năm 2005, số lượt khách du lịch đến tăng thêm 89,2 triệu lượt người.

B. Năm 2023, doanh thu du lịch và số lượt khách du lịch đạt đến cao nhất.

C. Doanh thu du lịch tăng nhanh, giai đoạn 2005 - 2023 tăng thêm khoảng 154,1%.

D. Giai đoạn 2019 - 2023 doanh thu du lịch và số lượt khách du lịch đến giảm chủ yếu do tác động của đại dịch Covid-19, chính sách cấm xuất nhập cảnh của các quốc gia.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành xuất hiện muộn hơn so với các ngành công nghiệp khác. Cơ cấu của ngành rất đa dạng, gồm các lĩnh vực như sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính, điện thoại di động, thiết bị điện dân dụng,...

A. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành xuất hiện muộn, chủ yếu là sản xuất điện tử, máy tính và thực phẩm.

B. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta đang phát triển mạnh vùng trung du và miền núi.

C. Nước ta thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn cho ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính chủ yếu do có lực lượng lao động trẻ, dồi dào và giá rẻ.

D. Giải pháp để ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta phát triển là đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ người lao động và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Nước ta nằm trong khu vực Đông Nam Á, phần đất liền tiếp giáp với ba quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung Biển Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế.

A. Trên đất liền, nước ta có đường biên giới với Cam-pu-chia, Thái Lan và Lào.

B. Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

C. Nước ta có nền văn hóa đa dạng do sự kết hợp giữa văn hóa bản địa và ảnh hưởng từ nhiều nền văn hóa khác trong khu vực, trên thế giới.

D. Vị trí địa lý tạo thuận lợi để nước ta mở cửa hội nhập, thu hút đầu tư và hợp tác kinh tế với nhiều quốc gia trên thế giới.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Năm 2022, dân số nước ta 99 468 nghìn người, số dân nông thôn là 62 122 nghìn người. Hãy cho biết năm 2022, tỉ lệ dân nông thôn nhiều hơn tỉ lệ dân thành thị bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
GDP	2 739,8	84 874,8

(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 3: Năm 2022, nước ta có tổng diện tích lúa là 7 109,0 nghìn ha và sản lượng lúa là 47 085,3 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lúa nước ta năm 2022 là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2023 nước ta có diện tích là 33 134,5 nghìn ha và tổng diện tích rừng là 14 860,2 nghìn ha. Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI TRẠM QUAN TRẮC CÀ MAU NĂM 2023

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	26,5	27,0	26,9	29,6	29,4	28,7	28,0	29,0	27,5	28,0	27,9	28,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê -

<https://www.nso.gov.vn/>) Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm quan trắc Cà Mau năm 2023 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1. B	2. A	3. A	4. B	5. C	6. D	7. B	8. D	9. B	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

11. B	12. A	13. C	14. A	15. A	16. A	17. A	18. A		
-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--	--

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Phần đất liền của nước ta giáp với Biển Đông rộng lớn về phía tây.

A, C, D sai vì phần đất liền của nước ta thu hẹp theo chiều đông - tây, tiếp giáp với 3 quốc gia và gồm hàng nghìn đảo lớn nhỏ.

Đáp án: B

Câu 2 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung bảo vệ môi trường (phần bảo vệ môi trường không khí).

Cách giải:

Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí ở các thành phố chủ yếu từ hoạt động công nghiệp, giao thông vận tải.

Đáp án: A

Câu 3 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung đặc điểm đô thị hóa.

Cách giải:

Đô thị của nước ta hiện nay có số lượng đô thị tăng khá nhanh.

B, C, D sai vì tỉ lệ dân thành thị nước ta hiện nay tăng liên tục, không gian đô thị ngày càng mở rộng, lối sống thành thị ngày càng phổ biến.

Đáp án: A

Câu 4 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Cách giải:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay làm thay đổi tỉ trọng các ngành kinh tế: giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Đáp án: B

Câu 5 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Sản xuất lúa gạo ở nước ta hiện nay phát triển theo xu hướng hàng hóa nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Đáp án: C

Câu 6 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung ngành nông nghiệp nước ta (phần thế mạnh và hạn chế).

Cách giải:

Điều kiện thuận lợi về tự nhiên để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp nước ta là khí hậu nóng ẩm, nhiều loại đất thích hợp (đặc biệt là có diện tích đất feralit lớn).

Đáp án: D

Câu 7 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung ngành lâm nghiệp nước ta/

Cách giải:

Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay có hoạt động lâm sinh đang được chú trọng.

A, C, D sai vì ngành lâm nghiệp đang đẩy mạnh chế biến gỗ, các sản phẩm ngày càng phong phú, có ý nghĩa đối với kinh tế - xã hội - môi trường.

Đáp án: B

Câu 8 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung ngành thủy sản nước ta.

Cách giải:

Ngành khai thác thủy sản của nước ta hiện nay phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.

A, B, C sai vì ngành khai thác thủy sản có tỉ trọng giảm, nuôi trồng thủy sản có tỉ trọng tăng, đẩy mạnh hoạt động đánh bắt xa bờ, tác động nhiều đến tài nguyên (đặc biệt là nguồn thủy sản ven bờ).

Đáp án: D

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

Cách giải:

Công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở đồng bằng do đây là nơi có nhiều điều kiện phát triển hơn so với hải đảo, sơn nguyên, núi cao.

Đáp án: B

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành công nghiệp khai thác than, dầu thô và khí tự nhiên.

Cách giải:

Cơ cấu ngành công nghiệp dầu khí nước ta hiện nay thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài do đây là ngành đòi hỏi hàm lượng kĩ thuật cao và nguồn vốn lớn.

A, C, D sai vì nước ta vẫn nhập khẩu dầu, cơ sở vật chất kĩ thuật ngày càng hiện đại do thu hút vốn đầu tư, tập trung chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam.

Đáp án: B

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung đặc điểm đô thị hóa và suy luận.

Cách giải:

Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao.

- Dân cư tập trung đông (Quy mô thị trường)

- + Đô thị hóa gắn liền với việc tập trung dân cư từ khắp nơi đổ về các thành phố lớn. Tại đây, mật độ dân số rất cao, tạo ra một thị trường tiêu thụ lớn tại chỗ.

- + Mọi nhu cầu từ thực phẩm, may mặc đến đồ dùng điện tử đều có số lượng người mua lớn, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

- Chất lượng sống cao (Sức mua):

- + Người dân thành thị thường có thu nhập bình quân đầu người cao hơn so với nông thôn. Thu nhập cao đi đôi với khả năng chi trả và nhu cầu tiêu dùng đa dạng.

- + Chất lượng sống cao khiến người dân không chỉ dừng lại ở các nhu cầu cơ bản mà còn hướng tới các hàng hóa, dịch vụ cao cấp, xa xỉ. Đây chính là yếu tố cốt lõi giúp đô thị trở thành nơi "tiêu thụ mạnh" nhất trong nền kinh tế.

Đáp án: B

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành nông nghiệp (phần thuận lợi và hạn chế).

Cách giải:

Các vùng đồng bằng của nước ta tạo thuận lợi phát triển cây lương thực, thực phẩm; chăn nuôi lợn; gia cầm. B, C, D sai vì vùng đồi núi mới là nơi thuận lợi chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò.

Đáp án: A

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và lựa chọn nhận xét đúng.

Lưu ý về mối quan hệ giữa tỉ trọng và giá trị: tỉ trọng càng cao thì sản lượng càng lớn và ngược lại.

Cách giải:

A sai vì tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm: $46,4 - 40,7 = 5,7\%$.

B sai vì tỉ trọng thủy sản khai thác giảm, thủy sản nuôi trồng tăng.

C đúng vì tỉ trọng thủy sản nuôi trồng luôn cao hơn tỉ trọng sản lượng khai thác → Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.

D sai vì so với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng: $59,3 - 53,6 = 5,7\%$.

Đáp án: C

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

- Dựa vào nội dung ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất, đời sống.
- Lưu ý đến các tác động tiêu cực của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và suy luận.

Cách giải:

Biện pháp để hạn chế những tác động tiêu cực của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với nông nghiệp ở nước ta là đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, thay đổi cơ cấu mùa vụ, phòng chống thiên tai.

- Thay đổi cơ cấu mùa vụ: Đây là biện pháp thích ứng trực tiếp với sự thất thường của thời tiết.
- Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi: Giúp phá thế độc canh. Khi đa dạng hóa, nếu một loại cây trồng bị thiệt hại do dịch bệnh hoặc thời tiết, người dân vẫn còn các nguồn thu khác từ chăn nuôi hoặc cây trồng khác. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro kinh tế xuống mức thấp nhất.
- Phòng chống thiên tai: Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, lũ lụt, hạn hán,... Việc xây dựng hệ thống đê điều, hồ chứa nước, kênh mương thủy lợi và hệ thống cảnh báo sớm là điều kiện tiên quyết để bảo vệ thành quả sản xuất nông nghiệp.

Đáp án: A

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

- Dựa vào nội dung ngành nông nghiệp nước ta (phần ngành chăn nuôi).
- Lưu ý đến các nguyên nhân về đầu ra và các khó khăn khi chăn nuôi quy mô lớn, công nghệ cao.

Cách giải:

Phát triển chăn nuôi lợn theo quy mô công nghiệp ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn do nguyên nhân chủ yếu là: thị trường bấp bênh, thiếu kinh nghiệm quản lý, hạn chế về vốn và công nghệ.

- Thị trường bấp bênh: Đây là khó khăn hàng đầu. Giá thịt lợn thường xuyên biến động mạnh (tình trạng "được mùa mất giá"). Khi chăn nuôi quy mô công nghiệp với số lượng hàng nghìn con, nếu thị trường đóng băng hoặc giá giảm sâu, doanh nghiệp/trang trại sẽ đối mặt với thua lỗ cực lớn. Việc xuất khẩu thịt lợn chính ngạch vẫn còn gặp nhiều rào cản về tiêu chuẩn chất lượng.
- Hạn chế về vốn và công nghệ: Để xây dựng một hệ thống chuồng trại hiện đại, có hệ thống làm mát, xử lý chất thải tự động và dây chuyền thức ăn khép kín đòi hỏi nguồn vốn đầu tư rất lớn. Nhiều cá nhân, hợp tác xã muốn mở rộng quy mô nhưng khó tiếp cận được các nguồn tín dụng ưu đãi.
- Thiếu kinh nghiệm quản lý: Chăn nuôi công nghiệp đòi hỏi kỹ năng: quản trị rủi ro, quản trị chuỗi cung ứng và quy trình an toàn sinh học nghiêm ngặt. Việc thiếu đội ngũ quản lý có trình độ chuyên môn cao và am hiểu thị trường khiến nhiều mô hình công nghiệp vận hành kém hiệu quả, dễ thất bại khi có biến động.

Đáp án: A

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

- Dựa vào nội dung ngành thủy sản nước ta.
- Lưu ý đến các nguyên nhân giúp cả hai hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta ngày càng thuận lợi hơn.

Cách giải:

Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta ngày càng thuận lợi chủ yếu do thị trường rộng (thị trường trong và ngoài nước, khi có đầu ra ổn định và giá cả hấp dẫn, người dân có động lực mạnh mẽ để mở rộng diện tích nuôi trồng và đầu tư tàu thuyền vươn khơi bám biển), ngư dân có nhiều kinh nghiệm (đặc biệt trong ngành nuôi trồng, việc tiếp thu nhanh chóng các kỹ thuật nuôi trồng mới như nuôi tôm công nghệ cao, nuôi cá lồng bè trên biển,..., giúp giảm thiểu rủi ro và tăng năng suất).

B sai vì thiếu nguyên nhân giúp hoạt động nuôi trồng thuận lợi phát triển hơn.

C sai vì ngành thủy sản không yêu cầu nhân lực chất lượng cao.

Sai vì nguyên nhân về thị trường quan trọng hơn, do thị trường mở rộng thì các hoạt động khai thác và nuôi trồng mới được mở rộng và phát triển hơn.

Đáp án: A

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

- Dựa vào nội dung ngành thủy sản nước ta.
- Lưu ý đến các ý nghĩa về kinh tế - xã hội.

Cách giải:

Việc đẩy mạnh đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay có ý nghĩa chủ yếu là đa dạng sản xuất nông nghiệp, nguồn hàng xuất khẩu giá trị, tạo thêm việc làm.

- Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp: Nông nghiệp (theo nghĩa rộng) bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Trước đây nước ta tập trung chủ yếu vào nông nghiệp. Việc đẩy mạnh thủy sản giúp chuyển dịch cơ cấu ngành, làm cho nền nông nghiệp trở nên đa dạng hơn, không bị phụ thuộc vào một loại hình sản xuất, từ đó giảm thiểu rủi ro và tận dụng tốt mọi nguồn lực từ tự nhiên.
- Nguồn hàng xuất khẩu giá trị: Đây là ý nghĩa kinh tế quan trọng hàng đầu. Thủy sản là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Các mặt hàng như tôm, cá tra, cá ngừ... khi xuất khẩu mang lại nguồn ngoại tệ lớn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khẳng định vị thế của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.
- Tạo thêm việc làm: Đây là ý nghĩa về mặt xã hội. Ngành thủy sản thu hút một lượng lớn lao động tham gia trực tiếp (nuôi trồng, đánh bắt) và gián tiếp (chế biến, dịch vụ hậu cần, vận chuyển). Việc này đặc biệt quan trọng ở các vùng ven biển và vùng nông thôn, giúp chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

Đáp án: A

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

- Dựa vào nội dung chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.
- Lưu ý đến các đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp chế biến so với ngành công nghiệp khai thác, đến các nguyên nhân chủ yếu là tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Cách giải:

Ở nước ta, những năm gần đây tỉ trọng công nghiệp chế biến trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng lên do thị trường tiêu thụ mở rộng, hiệu quả kinh tế cao, đa dạng ngành nghề.

- Thị trường tiêu thụ mở rộng: Đây là yếu tố "cung - cầu". Nhờ các hiệp định thương mại tự do (FTA), sản phẩm chế biến của Việt Nam (như tôm đông lạnh, cà phê hòa tan,...) có thể tiếp cận thị trường toàn cầu. Khi đầu ra ổn định và rộng mở, sản xuất sẽ tự động tăng quy mô, dẫn đến tăng tỉ trọng.
- Hiệu quả kinh tế cao: Đây là điểm cốt lõi. Ngành chế biến tạo ra giá trị gia tăng lớn trên cùng một lượng nguyên liệu.
- Đa dạng ngành nghề: Công nghiệp chế biến không chỉ có một vài ngành. Nó bao gồm từ chế biến lương thực thực phẩm, dệt may, da giày đến điện tử, cơ khí... Sự đa dạng này cho phép ngành chế biến tận dụng mọi nguồn lực (từ nông sản đến khoáng sản) và giảm thiểu rủi ro khi một ngành nào đó gặp khó khăn.

Đáp án: A

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SSDD	SSDD	SSDD	SSDD

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

A. Sai. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt do ngành chăn nuôi mang lại hiệu quả cơ hơn so với ngành trồng trọt.

B. Sai. Đoạn thông tin nêu rõ nông nghiệp đang phát triển theo hướng "tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu". Để làm được điều này, việc liên kết giữa sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ và xây dựng các vùng chuyên canh sản phẩm chủ lực (như gạo, cà phê, trái cây) là ưu tiên hàng đầu hiện nay.

C. Đúng. Sản xuất hàng hóa quy mô lớn không chỉ giúp nâng cao sản lượng để đảm bảo an ninh lương thực mà còn tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào, ổn định cho công nghiệp chế biến. Đồng thời còn thúc đẩy các ngành dịch vụ như logistics, thương mại điện tử,... phát triển theo.

D. Đúng. Việc hướng tới "nông nghiệp thông minh" và "áp dụng khoa học - công nghệ" chính là để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm (hiệu quả kinh tế), từ đó hấp dẫn các doanh nghiệp rót vốn đầu tư và đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường quốc tế.

Đáp án: S, S, Đ, Đ

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

A. Lấy số khách du lịch năm 2023 trừ số lượt khách du lịch năm 2005.

B. So sánh số lượt khách du lịch và doanh thu du lịch giữa các năm.

C. Dựa vào công thức:

$\% \text{ tăng trưởng} = [(\text{Giá trị năm cuối} - \text{Giá trị năm đầu}) / \text{Giá trị năm đầu}] * 100$

D. Liên hệ thực tế về tình hình trong giai đoạn 2019 - 2023 của nước ta.

Cách giải:

A. Sai. So với năm 2005, số lượt khách du lịch đến tăng thêm: $105,7 - 49,3 = 56,4$ triệu lượt người.

B. Sai. Năm 2019, doanh thu du lịch và số lượt khách du lịch đạt đến cao nhất; lần lượt là 147,6 tỉ USD và 138,5 triệu lượt người.

C. Đúng. Doanh thu du lịch tăng nhanh, giai đoạn 2005 - 2023 tăng thêm:

$[(85,9 - 33,8) / 33,8] * 100 = 154,1\%$

D. Đúng. Giai đoạn 2019 - 2023, doanh thu và lượt khách du lịch giảm sâu, đặc biệt trong những năm 2020-2022, do tác động trực tiếp của đại dịch Covid-19. Các chính sách cấm xuất nhập cảnh, giãn cách xã hội, và tâm lý e ngại dịch bệnh đã làm đóng băng du lịch quốc tế, đồng thời khiến du lịch nội địa hoạt động cầm chừng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành.

Đáp án: S, S, Đ, Đ

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

Cách giải:

A. Sai. Thực phẩm là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, không nằm trong cơ cấu của ngành điện tử, máy vi tính.

B. Sai. Ngành này đòi hỏi lao động có tay nghề, cơ sở hạ tầng hiện đại. Do đó, công nghiệp điện tử chủ yếu tập trung ở các vùng có kinh tế phát triển như Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, chứ không phải vùng trung du và miền núi.

C. Đúng. Đây là lợi thế so sánh lớn nhất của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Ngành điện tử thường cần số lượng lớn nhân công cho các khâu lắp ráp. Lực lượng lao động trẻ, có khả năng tiếp thu công nghệ nhanh với mức lương cạnh tranh là điều kiện thu hút các tập đoàn lớn như Samsung, LG, Foxconn,... đầu tư vào Việt Nam.

D. Đúng. Để phát triển bền vững và tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu (thay vì chỉ lắp ráp gia công), nước ta cần:

- Hạ tầng: Điện, viễn thông và logistics phát triển.
- Nâng cao trình độ người lao động: Đào tạo lao động để làm chủ công nghệ.
- Vốn FDI: Mang theo công nghệ và thị trường tiêu thụ quốc tế.

Đáp án: S, S, Đ, Đ

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ; ảnh hưởng đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

Cách giải:

A. Sai. Trên đất liền, nước ta có đường biên giới với Cam-pu-chia, Trung Quốc và Lào.

B. Sai. Việt Nam chỉ là cửa ngõ ra biển thuận lợi nhất cho Lào (quốc gia duy nhất không có biển ở Đông Nam Á). Các quốc gia khác trong khu vực đều giáp biển.

C. Đúng. Vị trí nằm ở nơi giao thoa của các luồng di cư, các nền văn minh lớn (Ấn Độ, Trung Hoa) và sự kết nối với văn hóa phương Tây qua đường biển đã tạo nên một bản sắc văn hóa Việt Nam vừa giàu tính bản địa, vừa đa dạng do ảnh hưởng từ nhiều nền văn hóa khác trong khu vực, trên thế giới.

D. Đúng. Việc nằm ở "trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế" (như đoạn thông tin nêu) biến Việt Nam thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này cực kỳ hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài (FDI) và tạo đà thuận lợi cho việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA). **Đáp án: S, S, Đ, Đ**

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	25	3098	66,2	5,57	44,8	3,1

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Số dân thành thị = Tổng số dân - Số dân

nông thôn Tỷ trọng = (Giá trị thành

phần/Tổng giá trị)*100

Lưu ý: làm một phép tính để tránh làm tròn nhiều lần ra kết quả sai.

Cách giải:

Số dân thành thị của nước ta năm 2022 là:

99 468 - 62 122 = 37 346 nghìn người

→ Năm 2022, tỉ lệ dân nông thôn nhiều hơn tỉ lệ dân thành thị:

$(62\ 122/99\ 468)*100] - [(37\ 346/99\ 468)*100] = 25\%$

Đáp án: 25

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm cuối/Giá trị năm gốc)*100

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta giai đoạn 2010 -

2021 là: $(84\ 874,8/2\ 739,8)*100 = 3098\%$

Đáp án: 3098

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản

lượng/Diện tích Lưu ý

đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi 47 085,3 nghìn tấn = 470 853

nghìn tạ Năng suất lúa nước ta năm

2022 là:

$470\ 853/7\ 109,0 = 66,2\ \text{tạ/ha}$

Đáp án: 66,2

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng sản lượng nuôi trồng = 100% - Tỉ trọng sản lượng

khai thác Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần*Tổng

giá trị)/100

Cách giải:

Tỉ trọng sản lượng nuôi trồng của nước ta năm 2023 là: $100 - 40,1 = 59,9\%$

Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là:
 $(59,9 \times 9,3) / 100 = 5,57$ triệu tấn

Đáp án: 5,57

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Độ che phủ rừng = $(\text{Tổng diện tích rừng} / \text{Tổng diện tích tự nhiên}) \times 100$

Cách giải:

Độ che phủ rừng của nước ta năm 2023 là:

$(14\,860,2 / 33\,134,5) \times 100 = 44,8\%$

Đáp án: 44,8

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất - Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ không khí trung bình năm tại trạm quan trắc Cà Mau năm 2023 là:

$29,6 - 26,5 = 3,1^\circ\text{C}$

Đáp án: 3,1